

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ TƯ PHÁP - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO -
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO - BỘ TÀI CHÍNH**

**BỘ TƯ PHÁP - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO -
BỘ TÀI CHÍNH** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Số: 09/2014/TTLT-BTP-
TANDTC-VKSNDTC-BTC

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại theo
Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội**

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại;

Căn cứ Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại theo Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về thủ tục, chi phí thực hiện công việc của Thừa phát lại; tổ chức Văn phòng Thừa phát lại; kiểm sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động của Thừa phát lại tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là cấp tỉnh) nơi thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này được áp dụng đối với:

1. Thừa phát lại, Văn phòng Thừa phát lại.
2. Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự nơi thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại.

Chương II

THỦ TỤC THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CỦA THỪA PHÁT LẠI

Mục 1

TỔNG ĐẶT VĂN BẢN

Điều 3. Các loại văn bản Thừa phát lại được tổng đặt

Văn phòng Thừa phát lại thỏa thuận để tổng đặt văn bản của Tòa án (trừ Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao), Cơ quan thi hành án dân sự các cấp trên địa bàn cấp tỉnh nơi đặt Văn phòng Thừa phát lại, bao gồm: Giấy báo, giấy triệu tập, giấy mời, quyết định đưa vụ án ra xét xử, bản án, quyết định trong trường hợp xét xử vắng mặt đương sự của Tòa án; các quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập của Cơ quan thi hành án dân sự.

Trong trường hợp cần thiết, Tòa án, Cơ quan thi hành án dân sự có thể thỏa thuận với Văn phòng Thừa phát lại để tổng đặt các loại văn bản, giấy tờ khác.

Điều 4. Ký hợp đồng dịch vụ tổng đạt

Việc ký hợp đồng dịch vụ tổng đạt văn bản giữa Tòa án hoặc Cơ quan thi hành án dân sự với Văn phòng Thừa phát lại được thực hiện như sau:

1. Tòa án, Cơ quan Thi hành án dân sự ký hợp đồng nguyên tắc giao các loại văn bản cho Văn phòng Thừa phát lại tổng đạt. Trên cơ sở hợp đồng, số lượng và từng loại văn bản cụ thể, giao Thừa phát lại tổng đạt được thực hiện thông qua sổ giao nhận có xác nhận của 02 bên.

Trường hợp tổng đạt ngoài địa bàn cấp tỉnh nơi đặt Văn phòng Thừa phát lại thì Tòa án, Cơ quan thi hành án dân sự có thể thỏa thuận với Văn phòng Thừa phát lại bằng một hợp đồng riêng cho từng việc cụ thể.

2. Một cơ quan thi hành án dân sự chỉ được ký hợp đồng với một Văn phòng Thừa phát lại.

Trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định cho mỗi Tòa án trên địa bàn có thể ký hợp đồng với một hoặc nhiều Văn phòng Thừa phát lại.

Một Văn phòng Thừa phát lại có quyền ký hợp đồng tổng đạt với nhiều Cơ quan thi hành án dân sự hoặc nhiều Tòa án trên địa bàn cấp tỉnh nơi đặt Văn phòng Thừa phát lại.

Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp thống nhất địa hạt để các Văn phòng Thừa phát lại ký kết hợp đồng dịch vụ với các Tòa án, Cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn.

3. Hợp đồng dịch vụ tổng đạt gồm các nội dung chính sau: Các loại văn bản cần tổng đạt; các loại công việc cần thông báo; thời gian thực hiện hợp đồng; thủ tục tổng đạt; quyền, nghĩa vụ của các bên; chi phí tổng đạt.

4. Tòa án, Cơ quan thi hành án dân sự chuyển giao tất cả các loại văn bản đã thỏa thuận và Văn phòng Thừa phát lại không được từ chối khi có yêu cầu tổng đạt.

5. Tòa án, Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm gửi 01 bản hợp đồng dịch vụ tổng đạt với Văn phòng Thừa phát lại đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản ngay sau khi ký kết.

Điều 5. Giao nhận văn bản tổng đạt

Việc giao nhận các văn bản tổng đạt giữa Tòa án, Cơ quan thi hành án dân sự với Văn phòng Thừa phát lại được thực hiện hàng ngày làm việc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác, nhưng vẫn phải đảm bảo thời hạn tổng đạt theo quy định của pháp luật về tố tụng, pháp luật về thi hành án dân sự và được ghi vào sổ giao nhận theo mẫu được ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Thủ tục tổng đạt

1. Thủ tục tổng đạt văn bản về thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự; thủ tục tổng đạt văn bản của Tòa án thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng.

2. Việc tổng đạt được thực hiện theo biểu mẫu của Tòa án hoặc biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư này.

Việc tổng đạt được coi là hoàn thành khi Thừa phát lại đã thực hiện xong các thủ tục theo quy định của pháp luật, bao gồm cả việc thực hiện niêm yết công khai trong trường hợp không thể tổng đạt trực tiếp mà theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về thi hành án dân sự phải niêm yết công khai.

**Mục 2
LẬP VI BẰNG****Điều 7. Giá trị pháp lý của vi bằng**

Vi bằng do Thừa phát lại lập là nguồn chứng cứ để Tòa án xem xét khi giải quyết vụ án và là căn cứ để thực hiện các giao dịch hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình đánh giá, xem xét giá trị chứng cứ của vi bằng, nếu xét thấy cần thiết, Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân có thể triệu tập Thừa phát lại để làm rõ tính xác thực của vi bằng.

Điều 8. Sửa chữa lỗi kỹ thuật vi bằng

1. Trong trường hợp có sai sót về kỹ thuật trong khi ghi chép, đánh máy, in ấn vi bằng mà việc sửa chữa không làm ảnh hưởng đến tính xác thực của vi bằng thì Thừa phát lại có trách nhiệm sửa lỗi đó. Việc sửa chữa lỗi kỹ thuật của vi bằng phải được thực hiện bằng văn bản, do Thừa phát lại lập, ký và đóng dấu của Văn phòng Thừa phát lại.

Trong trường hợp vi bằng đã được giao cho người yêu cầu và đăng ký tại Sở Tư pháp thì Thừa phát lại phải thông báo bằng văn bản việc sửa chữa lỗi kỹ thuật cho người yêu cầu và Sở Tư pháp biết. Sở Tư pháp phải có văn bản thông báo việc chấp nhận hoặc không chấp nhận việc sửa đổi, bổ sung cho Thừa phát lại và người yêu cầu biết.

2. Vi bằng có từ hai trang trở lên thì từng trang phải được đánh số thứ tự và đóng dấu giáp lai.

Mục 3

XÁC MINH ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN VÀ CHẤM DỨT THI HÀNH ÁN

Điều 9. Xác minh điều kiện thi hành án

1. Người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án trong các vụ việc thuộc thẩm quyền thi hành án của các Cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn cấp tỉnh nơi đặt Văn phòng Thừa phát lại có quyền thỏa thuận với Văn phòng Thừa phát lại về việc xác minh điều kiện thi hành án.

Khi thỏa thuận với Văn phòng Thừa phát lại về xác minh điều kiện thi hành án người được thi hành án, người phải thi hành án phải cung cấp bản án, quyết định của Tòa án và các tài liệu khác liên quan (nếu có); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án phải cung cấp tài liệu chứng minh quyền lợi, nghĩa vụ của mình liên quan trực tiếp đến việc thi hành án.

2. Thỏa thuận về xác minh điều kiện thi hành án giữa người yêu cầu và Văn phòng Thừa phát lại được ký kết dưới hình thức hợp đồng dịch vụ.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ký kết hợp đồng, Trưởng Văn phòng Thừa phát lại phải ra Quyết định xác minh điều kiện thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Quyết định xác minh điều kiện thi hành án phải được gửi cho Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi đặt Văn phòng Thừa phát lại và Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Điều 10. Chấm dứt việc thi hành án

1. Trường hợp người yêu cầu đề nghị Văn phòng Thừa phát lại không tiếp tục việc thi hành án hoặc Thừa phát lại tổ chức thi hành án mà phát sinh điều kiện thi hành án nằm ngoài địa bàn cấp tỉnh nơi đặt Văn phòng Thừa phát lại thì xử lý như sau:

- a) Các bên cùng nhau thanh lý hợp đồng;
- b) Trưởng Văn phòng Thừa phát lại ra quyết định hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi các quyết định, thông báo, văn bản về thi hành án chưa thực hiện xong;
- c) Các vấn đề khác phát sinh được giải quyết theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Quy định tại khoản 1 Điều này không được áp dụng đối với trường hợp người yêu cầu đề nghị Văn phòng Thừa phát lại chấm dứt việc thi hành án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba.

3. Trong quá trình thanh lý hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh, nếu có tranh chấp thì các bên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.